

Số: 93/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 255/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đoàn Văn H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Chị **Phan Thị T**, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường D, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Đoàn Văn H** và chị **Phan Thị T**.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Quang T1, sinh ngày 25/01/2017, anh H có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 8/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi và quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Anh H và chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

2. Về án phí: Anh Đoàn Văn H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 600.000 đồng anh Đoàn Văn H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000612 ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí, trả lại anh Đoàn Văn H 300.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 36, 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Lê Lợi, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 18 ngày 18/9/2015 tại UBND xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Xuân

